

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

**NGUYỄN THỊ THÀNH
(THÍCH ĐÀM THÀNH)**

**ẢNH HƯỞNG QUA LẠI GIỮA PHẬT GIÁO VÀ
PHỤ NỮ (QUA NGHIÊN CỨU MỘT SỐ
TỈNH PHÍA BẮC VIỆT NAM HIỆN NAY)**

Chuyên ngành: Tôn giáo học

Mã số: 62.22.03.09

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ TÔN GIÁO HỌC

HÀ NỘI, 2016

Công trình được hoàn thành tại:

HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Người hướng dẫn khoa học: 1. TS. Nguyễn Quốc Tuấn

2. PGS.TS. Chu Văn Tuấn

Phản biện 1: GS.TS. ĐỖ QUANG HƯNG

Phản biện 2: PGS.TS. HOÀNG THỊ LAN

Phản biện 3: PGS.TS. TRẦN ĐĂNG SINH

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp
Học viện tại: Học viện khoa học xã hội

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2016

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Thư viện Học viện Khoa học xã hội

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Nguyễn Thị Thành (2016), “*Quan điểm của Phật giáo về vai trò, vị trí của phụ nữ*”, Tạp chí Triết học, Số 6 (301).

2. Nguyễn Thị Thành (2016), “*Tác động của Phật giáo tới phụ nữ một số tỉnh phía Bắc Việt Nam hiện nay*”, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, Số 01 (151).

3. Nguyễn Thị Thành (2015), “*Vai trò của phụ nữ đối với Phật giáo tại các tỉnh phía Bắc Việt Nam hiện nay*”, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, Số 8 (146).

4. Nguyễn Thị Thành (2013), “*Vai trò của Ni giới đối với Phật giáo Nhật Bản*”, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, Số 9 (123).

4. Nguyễn Thị Thành (2012), “*Lễ Vu Lan Phật giáo và đạo hiếu của người Việt*”, Tạp chí Công tác Tôn giáo, Số 8 (84).

6. Nguyễn Thị Thành (2012), “*Phật giáo với đời sống tinh thần phụ nữ người Việt vùng Đồng bằng Bắc Bộ hiện nay*”, Tạp chí Công tác Tôn giáo, Số 10 (74).

7. Nguyễn Thị Thành (2011), “*Vai trò của Ni giới trong quá trình phát triển Phật giáo thủ đô (1981-2011)*”, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, Số 12 (102).

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong quá trình phát triển ở Việt Nam (VN), Phật giáo (PG) đã tác động tới rất nhiều tầng lớp khác nhau trong xã hội, đặc biệt là phụ nữ (PN). PG với ngôi chùa đã trở thành nơi sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng cho phụ nữ Việt Nam (PNVN). Về phần mình, PN có niềm tin vào PG nhiều nhất, do đó, cũng đóng góp cho PG nhiều nhất. Sự nghiệp phát triển đạo, xây dựng tổ chức PG ở VN không thể không nhắc tới vai trò của PN. Quá trình tác động qua lại giữa PG và PNVN đã để lại những dấu ấn sâu sắc trên cả hai thực thể này trong nhiều vùng miền khác nhau của cả nước, thể hiện rõ nhất ở khu vực phía Bắc VN, đây cũng là nơi PG truyền vào sớm nhất.

Tuy nhiên, sự tác động qua lại của PG và PN các tỉnh phía Bắc cũng có độ đậm nhạt theo các khu vực và tộc người khác nhau. Hơn nữa, mối quan hệ biện chứng giữa PG và PN không chỉ hoàn toàn là tích cực, mà còn có cả những mặt hạn chế.

Do vậy, nghiên cứu mối quan hệ hai chiều giữa PG và PN các tỉnh phía Bắc hiện nay, trên cơ sở đó đề xuất những khuyến nghị giải pháp góp phần phát huy mặt tích cực và giảm thiểu mặt hạn chế của mối quan hệ này có tính cấp thiết về lý luận và thực tiễn, góp phần xây dựng, phát triển Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) bền vững và góp phần đáp ứng yêu cầu đổi mới toàn diện của Đảng và Nhà nước VN.

Xuất phát từ tính cấp thiết về lý luận và thực tiễn nêu trên, Tác giả lựa chọn đề tài *Ảnh hưởng qua lại giữa Phật giáo và phụ nữ (qua nghiên cứu một số tỉnh phía Bắc Việt Nam hiện nay)* làm luận án tiến sĩ chuyên ngành Tôn giáo học của mình.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở hệ thống hoá những điểm cơ bản của sự tác động qua lại giữa PG và PN, luận án làm rõ ảnh hưởng qua lại giữa PG và PN qua một số tỉnh phía Bắc hiện nay. Từ đó, luận án dự báo xu hướng của mối quan hệ này, rút ra những vấn đề cần quan tâm và đề xuất một số khuyến nghị nhằm phát huy mặt tích cực và giảm thiểu mặt hạn chế của mối quan hệ giữa PG và PN hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

1) Đi sâu phân tích cơ sở lý thuyết và thực tiễn của mối quan hệ qua lại giữa PG và PN.

2) Làm rõ thực trạng và vấn đề đặt ra của sự tác động qua lại giữa PGVN và PNVN qua khảo sát thực tế ở một số tỉnh phía Bắc hiện nay.

3) Dự báo xu hướng, từ đó đề xuất một số khuyến nghị nhằm thúc đẩy mặt tích cực và giảm thiểu mặt hạn chế của mối quan hệ giữa PG và PN ở phía Bắc VN thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Thực trạng ảnh hưởng qua lại giữa PGVN và PNVN trên các mặt: đời sống tôn giáo, đạo đức, lối sống của PN; hoạt động hoàng pháp, hoạt động dịch vụ công của PG.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Thời gian nghiên cứu: từ 1981 (năm thành lập GHPGVN) đến nay.

- Địa bàn nghiên cứu: các tỉnh phía Bắc như Hà Nội, Bắc Ninh, Tuyên Quang, Hưng Yên.

4. Khung lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

4.1. Khung lý thuyết của luận án

4.1.1. Câu hỏi nghiên cứu: (1) PG quan niệm như thế nào về vị trí và vai trò của PN? (2) Mối quan hệ giữa PG và PN trong lịch sử VN đã diễn ra như thế nào? (3) Thực trạng tác động qua lại giữa PG và PN ở một số tỉnh phía Bắc hiện nay ra sao? (4) Sự ảnh hưởng qua lại giữa PG và PN ở các tỉnh phía Bắc trong thời gian tới sẽ diễn ra theo xu hướng nào và đặt ra những vấn đề gì cần giải quyết?

4.1.2. Giả thuyết nghiên cứu

(1) PN là một trong bốn thành phần của PG. Tuy nhiên, theo kinh điển PG, PN phải chấp nhận vị trí thấp hơn nam giới, cho dù trong xã hội hiện đại, PN ngày càng thể hiện vai trò quan trọng đối với sự nghiệp hoàng dương Phật pháp; (2) Mối quan hệ giữa PG và PN trong lịch sử PG Bắc tông ở VN diễn ra khăng khít. PN cung cấp cho PG nhiều nhà tu hành tiêu biểu, định hình lên đặc điểm của PG. PG là chỗ dựa tinh thần quan trọng cho một bộ phận không nhỏ PN. (3) Mối quan hệ giữa PG và PN ở một số tỉnh phía Bắc hiện nay thể hiện hai chiều chứ không phải đơn tuyến; (4) Thời gian tới, ảnh hưởng qua lại giữa PG và PN ở khu vực phía Bắc sẽ diễn ra theo nhiều xu hướng, cả những mặt tích cực và cả những mặt hạn chế.

4.1.3. Lý thuyết nghiên cứu

(1) **Lý thuyết chức năng:** Luận án vận dụng lý thuyết chức năng vào nghiên cứu vai trò của PG đối với các mặt trong đời sống của PN ở một số tỉnh phía Bắc, trong đó chú trọng đến chức năng đền bù đối với đời sống tinh thần của người PN, cũng lưu ý tới tính cố kết, tương trợ giữa những PN cùng tin theo PG và giữa họ đối với nhóm bên ngoài xã hội. (2) **Lý thuyết trao đổi và lựa chọn hợp lý:** Luận án vận dụng lý thuyết trao đổi và lựa chọn hợp lý xem sự tương tác giữa PG và PN như một quá trình trao đổi để lý giải PG và PN có sự tương tác khăng khít với nhau vì cả hai đều nhận ra

những giá trị và sự cần thiết đối với nhau. **(3) Lý thuyết tương tác xã hội:** Luận án áp dụng lý thuyết tương tác xã hội để nghiên cứu sự tác động qua lại giữa PG và PN ở một số tỉnh phía Bắc hiện nay theo hai chiều, có cả sự hợp tác thúc đẩy nhau cùng phát triển và cả những xung đột bất hợp tác.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng các phương pháp, gồm: Phương pháp khảo sát định lượng, định tính; Phương pháp luận Duy vật biện chứng và Duy vật lịch sử; Phương pháp quan sát tham dự. Ngoài ra, luận án còn sử dụng các phương pháp thống kê, diễn dịch-qui nạp, phân tích-tổng hợp, nghiên cứu tài liệu và các phương pháp liên ngành khác.

5. Đóng góp về mặt khoa học của luận án

Luận án đóng góp thêm nhiều luận cứ khoa học xác đáng về mối quan hệ giữa PG và PN ở một số tỉnh phía Bắc VN hiện nay.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Việc nghiên cứu thực trạng ảnh hưởng qua lại giữa PG và PN có ý nghĩa lý luận quan trọng đối với việc phát triển các nghiên cứu thực tiễn của ngành Tôn giáo học ở VN hiện nay về phương diện đánh giá sự tương tác giữa thực thể tôn giáo đối với các thực thể khác trong xã hội.

Luận án có thể làm tài liệu tham khảo phục vụ việc nghiên cứu và giảng dạy về tôn giáo học và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác. Kết quả luận án còn gợi mở cho thực tiễn công tác PG, công tác PN đối với PN tin theo PG và định hướng hoạt động của GHPGVN hiện nay.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, luận án có kết cấu 4 chương, 11 tiết và tiểu kết các chương.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Tổng quan các nguồn tài liệu

1.1.1. Các bộ kinh sách của Phật giáo

Kinh Tăng Chi, Tập I –IV (Thích Minh Châu dịch, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, 1996); *Luận Đại Trí Độ, Tập I* (Thích Thiện Siêu dịch, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, 1997); *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa* (Thích Tuệ Hải dịch, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2005); *Trường A Hàm – Kinh Thiện Sinh* (Tuệ Sỹ dịch và chú, Nxb. Phương Đông, 2007); *Cương yếu giới luật* (Hòa thượng Thích Thánh Nghiêm, Thích Nữ Tuệ Đăng dịch, Nxb. Thời đại 2010).

1.1.2. Các bộ sử Phật giáo Việt Nam

Lê Mạnh Thát (1999), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam, Tập 1*, Nxb. Thuận Hoá, Huế; Nguyễn Lang (2000), *Việt Nam Phật giáo sử luận, Tập I-*

II-III, Nxb. Văn Học, Hà Nội; Mật Thể (2001), *Việt Nam Phật giáo sử lược*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội...

1.1.3. Tư liệu điều tra khảo sát của tác giả luận án

Luận án khảo sát bằng bảng hỏi với tổng số 580 bảng hỏi dành cho cả ni giới và PN tại các vùng nông thôn và thành thị thuộc các tỉnh, thành Hà Nội, Bắc Ninh, Tuyên Quang, Hưng Yên. Kết quả khảo sát cung cấp số liệu về các nội dung: tần suất đi lễ chùa, mục đích đi lễ chùa, những đóng góp của PN đối với PG, những đáp ứng của PG đối với PN, thái độ niềm tin và thực trạng nhận thức của PN về PG.

1.1.4. Báo cáo tổng kết công tác/ hoạt động Phật sự của Giáo hội Phật giáo Việt Nam các ngành, các cấp

Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thành phố Hà Nội (2007), *Báo cáo tổng kết công tác Phật sự năm 2007- 2014*, Lưu hành nội bộ, Hà Nội; Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Phân ban Ni giới Trung ương (2014), *Báo cáo tổng kết công tác Phật sự năm 2012 - 2014*, Lưu hành nội bộ, Thành phố Hồ Chí Minh. Nam định, Tuyên quang, Bắc ninh, Hưng yên, Ban từ thiện xã hội Tw...

1.2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

1.2.1. Các công trình nghiên cứu trong nước

Nhóm công trình nghiên cứu về PG và PN

Công trình *Thiền Sư Ni* của Hòa thượng Thích Thanh Từ giới thiệu về các vị sư, nữ tu Thiền của PG từ Ấn Độ thời Đức Phật còn tại thế, đến Trung Quốc và VN các giai đoạn sau này.

Cuốn *Ảnh hưởng của các hệ tư tưởng và tôn giáo đối với con người Việt Nam hiện nay* do Nguyễn Tài Thư chủ biên (Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997) đề cập đến ảnh hưởng của PG đối với hệ tư tưởng con người VN nói chung và PNVN nói riêng.

Cuốn *Phật giáo với văn hoá Việt Nam* của Nguyễn Đăng Duy (Nxb. Hà Nội, 1999) chỉ ra mối quan hệ qua lại giữa PG và tín ngưỡng thờ nữ thần của người Việt, sự hỗn dung của PG với tín ngưỡng của nền văn hoá nông nghiệp, vốn trọng tính âm.

Công trình *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam* của GS. Đặng Nghiêm Vạn (Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001) có đề cập đến PG, đặc biệt là những phân tích về thực trạng niềm tin PG ở Miền Bắc và Hà Nội.

Trong *Các bài tham luận tại Hội nghị Nữ giới Phật giáo thế giới lần thứ 11* từ ngày 28/12/2009 đến ngày 03/01/2010 tại Thành phố Hồ Chí Minh (Phân ban Đặc trách Ni giới GHPGVN, 2010), các tham luận tập trung phân tích làm rõ quan điểm của PG về PN trong các kinh sách, những đóng góp của PN với hoạt động của PGVN.

Cuốn *Nghiên cứu Phật giáo dưới góc độ xã hội phục vụ công tác bảo vệ an ninh quốc gia* của Trần Văn Trình (Nxb. Công an Nhân dân, Hà Nội, 2010) phân tích đặc điểm, vị thế, vai trò của PGVN, thực trạng, thái độ, hành vi đối với PG của dân cư Hà Nội.

Luận văn Thạc sỹ Triết học *Biểu hiện của yếu tố nữ trong Phật giáo Việt Nam qua hình tượng Phật Bà Quan Âm* của Trịnh Thị Dung/ Thích Đàm Thanh (Trường Đại học KHXH & NV, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010) đề cập tới yếu tố nữ qua hình tượng Phật Bà Quan Âm. Qua đó khẳng định PG đề cao PN và tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt.

Nhóm công trình về PG và PN phía Bắc Việt Nam:

Công trình *Lược sử Ni giới Bắc tông Việt Nam* của Tỷ khiêu ni Như Đức (Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2009), trình bày khái quát hành trạng cũng như các mốc lịch sử hình thành và phát triển của ni giới PG Bắc tông của VN. Trong đó có khái quát về ni giới PG ở phía Bắc VN từ thế kỷ I đến thế kỷ XIX.

Nhóm công trình *Vai trò của Ni giới trong quá trình phát triển Phật giáo Thủ đô (1981-2011)*, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 12/2011; *Phật giáo với đời sống tinh thần phụ nữ người Việt vùng Đồng bằng Bắc Bộ hiện nay*, Tạp chí Công tác Tôn giáo, số 10/2012 của Nguyễn Thị Thành/ Thích Đàm Thành đã phân tích ảnh hưởng của PG tới hai khía cạnh tín ngưỡng và đạo đức thuộc đời sống tinh thần của người PNVN vùng Đồng bằng Bắc Bộ hiện nay.

Bài viết *Vai trò của người phụ nữ Việt Nam đối với Phật giáo từ góc nhìn xã hội học* của Nguyễn Thị Minh Ngọc, trong Viện Nghiên cứu Tôn giáo: *Nghiên cứu tôn giáo, tín ngưỡng; Chặng đường 20 năm (1991-2011)* (Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011), đề cập tới hai nhân vật nữ Phật tử tiêu biểu của lịch sử PGVN là Phật Mẫu Man Nương và Nguyên Phi Ý Lan, cũng như địa vị và ảnh hưởng của PN đối với hoạt động PG trong xã hội VN hiện nay.

Công trình *Chân dung xã hội của người đi lễ chùa: Một tiếp cận xã hội học qua trường hợp người đi lễ chùa Quán Sứ và Chùa Hà, Hà Nội* của Hoàng Thu Hương (Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2012), phân tích kỹ lưỡng chân dung người đi lễ chùa qua đặc trưng về giới tính, tương quan giữa giới tính và tần suất đi lễ chùa, ảnh hưởng của hoạt động đi lễ chùa tới cá nhân và tác động xã hội của hoạt động đi lễ chùa.

Luận án Tiến sĩ Tôn giáo học *Sinh hoạt của Ni giới Phật giáo ở Hà Nội hiện nay* của Trịnh Thị Dung/ Thích Đàm Thanh (Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội, 2015) phân tích có hệ thống vấn đề nữ giới trong kinh điển và giới luật Phật giáo; nêu bật thực trạng sinh hoạt ni giới Phật giáo trên địa bàn thủ đô Hà Nội hiện nay.

1.2.2. Các công trình nghiên cứu ngoài nước

Women under the Primitive Buddhism (Phụ nữ thời Phật giáo Nguyên thủy) của I.B. Horner (George Routledge & Sons, Ltd., London, 1930), đã phân tích quan điểm của PG về PN và đời sống của cư sĩ tại gia, ni giới trong thời kỳ đầu của PG ở Ấn Độ.

Buddhist Women across Cultures Realization (Nhận diện phụ nữ Phật giáo qua các nền văn hoá) của Karma Lekshe Tsomo (State University of New York Press, 1999) phân tích về vị trí và vai trò của PN trong PG từ thời Đức Phật còn tại thế tới khi PG lan truyền tới các nước Đông Á. Có đề cập tới PG và PN ở VN.

Korean Buddhist Nuns and Laywomen (Ni giới và nữ cư sĩ Phật giáo Hàn Quốc) của Eun-su Cho (State University of New York Press, 2011), phân tích vai trò và vị trí của phụ nữ trong lịch sử PG Hàn Quốc qua ba thời kỳ Koryo, Choson và thời kỳ hiện đại.

1.2.3. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu của luận án

1.2.3.1. Những kết quả nghiên cứu đạt được mà luận án cần phải kế thừa và phát triển

(1) Các công trình nghiên cứu trong nước và ngoài nước đã đề cập ít nhiều quan điểm của PG về vị trí và vai trò của PN đối với PG trong kinh sách PG từ Nguyên thủy đến Đại thừa; (2) Các công trình nghiên cứu nước ngoài đã cung cấp một cái nhìn khái quát về ảnh hưởng qua lại giữa PG và PN ở một số quốc gia giúp cho luận án có thêm cơ sở đánh giá, đối chiếu với mối quan hệ giữa PG và PN ở VN được sáng rõ, sâu sắc hơn; (3) Các công trình nghiên cứu đã bước đầu phân tích ảnh hưởng qua lại giữa PG và PN ở phía Bắc qua một số khía cạnh: tín ngưỡng thờ Quán Thế Âm, hiện tượng nữ hoá trong PG, vai trò đáp ứng nhu cầu tâm linh của PG đối với PN.

1.2.3.2. Những vấn đề chưa được giải quyết thấu đáo mà luận án cần phải tiếp tục nghiên cứu

(1) Các công trình nghiên cứu nêu trên hầu hết chưa phân tích một cách toát yếu những nội dung căn bản trong quan niệm của PG về PN. Đây là một vấn đề lý luận căn bản để làm nền tảng cho việc luận giải quá trình tác động của PG đối với PN; (2) Thực trạng mối quan hệ giữa PG và PN phía Bắc trong giai đoạn hiện nay vẫn chưa được nghiên cứu một cách đầy đủ; (3) Vấn đề PG và PN phía Bắc hiện nay cần phải được phân tích ảnh hưởng mang tính hai chiều; (4) Những nghiên cứu nêu trên cũng chưa đưa ra được dự báo xu hướng và những khuyến nghị giải pháp đối với những vấn đề đặt ra trong sự ảnh hưởng qua lại giữa PG và PN phía Bắc thời gian tới.

1.3. Một số khái niệm cơ bản sử dụng trong luận án

Luận án xác định và phân tích các khái niệm cơ bản làm công cụ gồm: Ảnh hưởng qua lại, Cư sĩ, Đạo Đức, Đời sống vật chất, Đời sống tinh thần,

Lối sống, Giới, Phật tử, Phụ nữ, Quy y, Tỷ khiêu ni, Ni giới, Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ THỰC TIỄN CỦA MỐI QUAN HỆ GIỮA PHẬT GIÁO VÀ PHỤ NỮ

2.1. Quan điểm của Phật giáo về phụ nữ qua tam tạng kinh điển

2.1.1. Quan điểm của Phật giáo về phụ nữ qua kinh Phật giáo

Sự bình đẳng của phụ nữ: Trái với những quy định hà khắc của Bà La Môn giáo, PG cho rằng, PN có quyền bình đẳng, được tự do trên nhiều phương diện. PG quan niệm, PN có quyền được tái giá, thừa kế tài sản, con trai và con gái đáng quý như nhau.

Vấn đề giải thoát của phụ nữ trong đời sống Phật giáo: PG cho rằng, PN không phân biệt giai cấp, tuổi tác và nghề nghiệp đều có quyền tham gia các hoạt động tôn giáo/PG. Kinh điển PG vẫn khẳng định dù nam hay nữ, con người đều có thể đạt được mục đích trong đời sống tôn giáo/ PG là được giải thoát.

Về ứng xử của phụ nữ trong gia đình và xã hội: Kinh điển PG nêu ra các chuẩn mực đạo đức cho con người nói chung, PN nói riêng để ứng xử trong mối quan hệ gia đình và xã hội. Đối với cha mẹ, PN phải là những người con “chí hiếu”. Qua kinh điển, PG không chỉ răn dạy con cái nên hiếu thảo với cha mẹ, mà còn răn dạy cách đối xử, giáo dục của cha mẹ với con cái. Kinh điển PG còn có những khuyên răn chi tiết về bốn phận của PN đối với người chồng. PG không chỉ cảnh báo, thưởng phạt về điểm tốt và điểm xấu của người vợ trong ứng xử với chồng, mà còn vạch ra những con đường để một PN có thể trở thành một người vợ hoàn hảo.

2.1.2. Quan điểm của Phật giáo về phụ nữ qua luật Phật giáo

Tam quy: nữ Phật tử (Ưu bà di) trước khi thọ năm giới phải có niềm tin PG và thực hiện Tam quy là quy y Phật; quy y Pháp; quy y Tăng. **Ngũ giới:** là những nguyên tắc hướng dẫn Phật tử để họ đạt được sự giải thoát và giác ngộ; cũng là những nguyên tắc để xây dựng nền tảng cho hạnh phúc cá nhân, hạnh phúc gia đình và xã hội. **Bát quan trai giới:** là giới pháp được Đức Phật chế định cho các đệ tử tại gia học tập xuất gia tạm thời. Những Phật tử này rời bỏ gia đình đến ở chùa để tập nếp sống của người xuất gia trong một ngày đêm. **Thập thiện giới:** Các nam, nữ Phật tử sau khi thực hiện Tam quy, Ngũ giới, thấy đạt được nhiều tiến bộ trong tu học, muốn tiến xa hơn nữa có thể thực hiện 10 giới (Thập thiện giới). **Bát kính giới (Bát kính pháp):** quy định ứng xử của nữ tu sĩ PG với nam tu sĩ PG.

2.1.3. Quan điểm của Phật giáo về phụ nữ qua luận Phật giáo

Nếu phần kinh PG có những tranh luận về sự giải thoát cũng như địa vị của PN, thì phần luận PG, nhất là luận PG Đại thừa, vấn đề giải thoát và địa vị của PN được chú ý nhiều hơn. Trong bộ luận quan trọng nhất của PG đại thừa là Luận Đại Trí Độ vẫn thể hiện quan điểm phân biệt nam nữ đối với việc tu tập và hạ thấp khả năng của PN.

2.2. Phật giáo và phụ nữ ở các tỉnh phía Bắc trong lịch sử

2.2.1. Vai trò của Phật giáo đối với đời sống tinh thần phụ nữ ở các tỉnh phía Bắc trong lịch sử

PG sớm hòa quyện với tôn giáo, tín ngưỡng bản địa, ngôi chùa trở thành một trong những nơi quan trọng đáp ứng nhu cầu tâm linh của người Việt nói chung và PN nói riêng trong lịch sử.

Ngôi chùa còn là nơi sinh hoạt cộng đồng của PN, nơi sinh hoạt văn hóa, tôn giáo chủ yếu của PN, đối xứng với đình là nơi sinh hoạt văn hóa, tôn giáo của nam giới. Sinh hoạt PG, nhất là các lễ hội PG, từ xa xưa đã trở thành một phương tiện đáp ứng nhu cầu tinh thần của nhiều tầng lớp nhân dân ở khu vực phía Bắc, trong đó có PN.

PG còn tác động tới những quan niệm nhân sinh của PN khu vực phía Bắc xưa kia. Những nếp nghĩ, nếp sống “nhân nào quả ấy”, “ở hiền gặp lành”, “ác giả ác báo”... thấm đẫm tinh thần nghiệp báo của PG. PG cũng góp phần nâng cao tinh thần từ bi, thương người, cứu người của người VN, nhất là trong những hoàn cảnh sống đau khổ của người dân.

2.2.2. Phụ nữ và tính nữ trội trong Phật giáo khu vực phía Bắc trong lịch sử

Ngay trong cơ tầng văn hóa, xã hội ở vùng phía Bắc từ trong lịch sử đã có tính nữ trội. PN có vai trò quan trọng không chỉ trong đời sống kinh tế, giáo dục truyền thống gia đình, mà còn trong đời sống tâm linh. Khi PG tới vùng này đã nhanh chóng chú trọng giới nữ.

Trong quá trình giao thoa, tính nữ trội của văn hóa bản địa đã lan tỏa đến hệ thống PG từ hình tượng thờ cúng đến niềm tin tôn giáo. Tiêu biểu là hình tượng Phật Bà Quán Thế Âm được người Việt gọi giản dị là “Phật Bà”, hiện thân của từ bi, cứu khổ, cứu nạn. “Phật Bà” cũng là hiện thân của một người Mẹ hiền, của tình mẫu tử thiêng liêng không tình yêu thương nào sánh nổi.

Bên cạnh đó, tính nữ trội của PG khu vực phía Bắc còn được thể hiện qua hình tượng Phật Mẫu Man Nương và hệ thống Tứ Pháp. Hầu hết các ngôi chùa ở các chùa Miền Bắc đều thờ Mẫu, tạo ra mô hình “tiền Phật hậu Thánh” hoặc “tiền Phật hậu Mẫu”.

2.2.3. Những phụ nữ Phật giáo tiêu biểu ở khu vực phía Bắc trong lịch sử

Công chúa Bát Nàn, Bà Thiều Hoa, Bà Vĩnh Huy, Bà Phương Dung, Chiêu Dung, Nguyệt Thai, Nguyệt Độ đều từng theo Hai Bà Trưng xuất quân dẹp giặc. Ni trưởng Diệu Nhân (1041-1113), Ni trưởng Tuệ Thông (giữa thế kỷ 14) mẫu mực về gìn giữ giới luật, hành thiền chính định. Hoàng thái hậu Nguyên Phi Ý Lan (1044 – 1117) có công lớn phát triển PG thời Lý.

Ni trưởng Đàm Thu (1885-1967), Ni trưởng Đàm Soạn (1886-1965), Ni trưởng Đàm Tín (1899-1982) có nhiều đóng góp cho chấn hưng và phát triển PG.

Tiểu kết Chương 2

PG từ trong tam tạng kinh điển đã đưa ra một loạt quan điểm về PN, khẳng định nữ giới và nam giới bình đẳng trên bình diện xã hội và tôn giáo. PG còn đưa ra nhiều quan điểm mang tính luân lý, đạo đức dành cho con người nói chung và PN nói riêng để hướng dẫn họ trong đời sống gia đình, xã hội. Tuy nhiên, việc giải thích kinh và luật PG về PN cũng có sự khác biệt. Đối với PG Đại thừa chịu ảnh hưởng bởi bộ *Luận đại trí độ* vẫn có cách nhìn nhận PN khó có thể giải thoát. Đồng thời, luật PG cũng có phần chú trọng tới những ràng buộc khắt khe hơn đối với nữ giới.

Ở Miền Bắc trong lịch sử, do chịu ảnh hưởng mạnh bởi PG đại thừa và văn hóa - xã hội Nho giáo, nên PN chịu nhiều thiệt thòi về địa vị xã hội và vai trò tham gia quản trị tổ chức PG. Nhưng dù không có địa vị cao trong tổ chức PG, PN lại góp phần hình thành nên đặc trưng của PGVN – tính nữ trội. Đồng thời PN cũng góp phần phát huy truyền thống “hộ quốc an dân” của PGVN.

Trái lại, PG cũng trở thành món ăn tinh thần không thể thiếu đối với đời sống của một bộ phận không nhỏ PN ở phía Bắc. Đó là sự tác động tương hỗ, gắn bó khăng khít giữa PG và PN ở phía Bắc. PG với ngôi chùa làng trong truyền thống thực sự đã trở thành không gian sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng tôn giáo không thể thiếu của người PN Việt, tạo nên sự cân bằng về đời sống tôn giáo cho người PN.

Chương 3

TÁC ĐỘNG QUA LẠI GIỮA PHẬT GIÁO VÀ PHỤ NỮ HIỆN NAY QUA THỰC TIỄN MỘT SỐ TỈNH PHÍA BẮC VIỆT NAM

3.1. Tác động của Phật giáo Việt Nam đối với phụ nữ

3.1.1. Tác động của Phật giáo tới nhu cầu tôn giáo của phụ nữ

PG đáp ứng nhu cầu tôn giáo cho nhiều tầng lớp PN không chỉ về con đường để đạt tới Niết Bàn mà còn cung cấp dịch vụ tâm linh cho PN.

Đi lễ chùa, tham gia sinh hoạt PG cũng trở thành một nhu cầu không thể thiếu của nhiều PN. Số liệu khảo sát cho thấy, số PN trả lời thường xuyên và thỉnh thoảng đi lễ chùa vào những ngày rằm, mừng một hằng tháng chiếm tỷ lệ khá cao (37,4% và 48,6%), trong khi số người trả lời hiếm khi và không bao giờ đi lễ chùa chiếm tỷ lệ khá thấp (13,5% và 0,5%).

Bảng 3.1: Mức độ thường xuyên đi lễ chùa của PN

Mức độ thường xuyên đi lễ chùa		
	Tần số	%
Thường xuyên	161	37,4
Thỉnh thoảng	209	48,6
Hiếm khi	58	13,5
Không bao giờ	2	0,5
Tổng	430	100,0

(Nguồn khảo sát của luận án)

Số liệu khảo sát cũng cho biết, mức độ niềm tin và tần suất đi lễ chùa của PN ở khu vực phía Bắc cũng có sự khác nhau giữa các độ tuổi. Những PN cao niên có mức độ đi lễ chùa thường xuyên cao hơn hẳn trung niên và thanh niên.

Bảng 3.2: Tương quan giữa độ tuổi của PN với mức độ đi lễ chùa

Mức độ thường xuyên đi lễ chùa	Nhóm tuổi của người trả lời		
	Thanh niên (%)	Trung niên (%)	Cao tuổi (%)
	Thường xuyên	10,2	30,8
Thỉnh thoảng	65,6	57,6	10,6
Hiếm khi	23,4	11,6	4,8
Không bao giờ	0,8	0,0	1,0

(Nguồn khảo sát của luận án)

PG còn tham gia cung cấp dịch vụ tâm linh cho gia đình PN, diễn hình như các nghi lễ cho người mất.

3.1.2. Tác động của Phật giáo tới tâm lý, niềm tin xã hội của phụ nữ

Thông qua các nghi lễ, PG đã trở thành một phương tiện an ủi tinh thần, giải tỏa những căng thẳng trong đời sống tâm lý, giúp cho PN có được sự yên tâm, thoải mái và lấy lại được sự cân bằng trong cuộc sống. Số liệu khảo sát cho thấy, PN cảm thấy thanh thản, bình an và tin tưởng vào cuộc sống hơn sau khi thực hành xong khóa lễ PG ở chùa. Trong đó, cảm giác thấy được bình an chiếm tỷ lệ cao nhất (97,4%), tiếp theo là cảm giác tâm thanh thản (59,8%), cuối cùng là cảm giác tin tưởng vào cuộc sống hơn (21,3%).

Bảng 3.3: Cảm giác tâm lý của PN sau mỗi khóa lễ PG

Cảm giác tâm lý	Tần số	%
Tâm thanh thản	256	59,8
Bình an	417	97,4
Tin tưởng vào cuộc sống hơn	91	21,3

(Nguồn khảo sát của luận án)

Việc thực hiện chức năng tâm lý của PG đối với PN càng thể hiện rõ trong những lúc họ gặp khó khăn, khủng hoảng hay những tình huống bất trắc, không lường trước được. Những lúc này, PN cần tới chỗ dựa tinh thần nhất. Đó là một trong những nguyên do chủ yếu khiến hầu hết PN đi lễ chùa cầu “tai qua nạn khỏi”, cầu bình an và sức khỏe. Kết quả khảo sát của luận án về những điều mong cầu khi đi lễ chùa cũng cho thấy, đại đa số PN đến chùa lễ Phật trả lời cầu tai qua nạn khỏi (75,5%) và cầu được Phật gia hộ (72,4%).

Bảng 3.4: Những điều được PN cầu mong khi đi lễ chùa

	Tần số	%
Cầu được Phật gia hộ	310	72,4
Cầu tai qua nạn khỏi	323	75,5
Cầu tài, lộc, thăng tiến	248	57,9
Cầu giải thoát	132	30,8
Cầu tình duyên	57	13,3

Cầu may mắn	28	6,5
Cầu phúc đức	9	2,1
Cầu sức khỏe	37	8,6

(Nguồn khảo sát của luận án)

Sự tác động của PG tới tâm lý, tinh thần của PN có mức độ không đồng đều ở các độ tuổi khác nhau. PN ở độ tuổi thanh niên cầu tình duyên cao nhất (42,5%); độ tuổi thanh niên, trung niên cầu tài lộc cao nhất (74,8 % và 68,2%); cao niên lại cầu mong được Phật gia hộ và cầu giải thoát cao nhất (90,3% và 85,4%). Nguyên nhân của hiện tượng này có thể do nhu cầu tâm lý, tinh thần của mỗi lứa tuổi PN khác nhau. PN ở độ tuổi thanh niên chủ yếu đang trong thời gian tìm hiểu bạn đời, lập gia đình. Trong khi PN ở độ tuổi thanh niên, trung niên lại đang là độ tuổi lao động chính, nên họ mong muốn có được công việc thuận lợi, làm ăn phát đạt. PN khi đã cao tuổi thường suy nghĩ về kiếp sau, trả lời những câu hỏi muôn thủa của loài người như sau khi chết sẽ đi về đâu.

Bảng 3.5: Tương quan giữa mong cầu đi lễ chùa với độ tuổi của PN

Mong cầu khi đi lễ chùa	Độ tuổi của PN		
	Thanh niên (%)	Trung niên (%)	Cao tuổi (%)
Cầu được Phật gia hộ	59,8	71,2	90,3
Cầu tai qua nạn khỏi	56,7	82,8	84,5
Cầu tài, lộc, thăng tiến	74,8	68,2	17,5
Cầu giải thoát	4,7	19,2	85,4
Cầu tình duyên	42,5	1,5	0,0
Cầu bình an	2,4	1,5	0,0
Cầu may mắn	10,2	6,1	2,9
Cầu phúc đức	0,0	1,5	5,8
Cầu sức khỏe	6,3	8,1	12,6

(Nguồn khảo sát của luận án)

Tham gia sinh hoạt PG, PN còn có được sự chia sẻ, trao đổi và an ủi lẫn nhau những lúc khó khăn. Sinh hoạt PG đã giúp cho PN các tỉnh phía Bắc có thêm niềm tin cá nhân và tạo dựng niềm tin xã hội vững chắc hơn. Khi được hỏi PN thường giúp đỡ người cùng hội Phật tử hoặc đạo tràng, hay người cùng đi lễ chùa khi gặp khó khăn như thế nào, có tới 87,0% số ý kiến trả lời đã thực hiện thăm hỏi, động viên; 48,0% số ý kiến trả lời đã chia sẻ quan điểm, cách thức để tháo gỡ khó khăn; 20,5% số ý kiến trả lời đã giúp đỡ người gặp khó khăn bằng tiền bạc và vật chất.

Bảng 3.6: Các công việc PN giúp đỡ người khác khi khó khăn

Các hình thức giúp đỡ	Tần suất	%
Giúp đỡ tiền, vật chất	82	20,5
Thăm hỏi, động viên	348	87,0
Giúp đỡ việc làm	56	14,0
Chia sẻ quan điểm, cách thức để tháo gỡ khó khăn	192	48,0

(Nguồn khảo sát của luận án)

3.1.3. Tác động của Phật giáo tới đạo đức, lối sống của phụ nữ

Sinh hoạt PG dẫn tới những thay đổi về nhận thức chuẩn mực đạo đức. Qua nghe giảng đạo, tham gia các lớp hoàng pháp, các câu lạc bộ và các cuộc thi tìm hiểu giáo lý PG, PN nhận thức đúng đắn hơn về những lời dạy tốt đẹp, thấm nhuần hệ thống luân lý, đạo đức của PG như các điều thiện, cách ứng xử đối với cha mẹ, anh em, vợ chồng và bạn bè. Kết quả khảo sát của luận án cho thấy, đa số PN thực hiện đúng theo Thập thiện của PG (những chuẩn mực đạo đức của PG).

Bảng 3.7: Thực hiện Thập thiện của PN

Thập thiện	Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Hiếm khi		Không bao giờ		Tổng	
	Tần số	%	Tần số	%	Tần số	%	Tần số	%	Số phiếu	%
Không giết hại	93	21,6	337	78,4					430	100
Không tà dâm	430	100,0							430	100
Không trộm cắp	430	100,0							430	100
Không nói dối	58	13,5	372	86,5					430	100
Không nói thêu dệt	428	99,5	2	0,5					430	100
Không nói lưỡi	429	99,8	1	0,2					430	100

hai chiều									
Không nói lời hung ác	419	97,4	11	2,6				430	100
Không tham muốn	97	22,6	333	77,4				430	100
Không hờn giận	27	6,3	403	93,7				430	100
Không si mê	374	87,0	56	13,0				430	100

(Nguồn khảo sát của luận án)

Những điều răn dạy của PG đóng góp quan trọng trong việc tạo lập một cộng đồng xã hội hướng thiện. Các nội dung của hệ thống luân lý, đạo đức PG được chuyển tải vào trong đời sống thực tiễn của PN, biến thành những nguyên tắc có tính định hướng cho các hành vi ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội của họ, góp phần hình thành nhân cách và phẩm chất tốt đẹp của họ như làm việc thiện, hiếu thảo, chung thủy, chăm lo con cái, làm ăn chân chính, quan tâm và chia sẻ trách nhiệm với những người xung quanh, cùng sinh sống trong cộng đồng từ thôn xóm cho tới cả nước. Kết quả cho thấy, đại đa số PN thực hiện các hành vi tuân theo những lời răn dạy của PG. Trong đó, họ chú trọng nhất là làm việc thiện, tránh việc ác (99,8%), hiếu thảo với cha mẹ (39,7%), sống trách nhiệm với cộng đồng (35,0%) và làm ăn chân chính (34,1%).

Bảng 3.8: Thực hiện những hành vi theo lời răn dạy của PG

Các hành vi của PN	Tần số	%
Làm việc thiện, tránh việc ác	429	99,8
Hiếu thảo với cha mẹ	170	39,7
Chung thủy với chồng	157	36,7
Giáo dục con cháu thành người tốt	156	36,4
Có trách nhiệm với cộng đồng	150	35,0
Làm ăn chân chính	146	34,1

(Nguồn khảo sát của luận án)

PG điều chỉnh hành vi, lối sống của PN miền Bắc bằng chính các lời răn dạy, những hình phạt ở thế giới mai hậu đối với những ai sống trái với luân thường đạo lý. Cùng với đó, PG còn tham gia điều chỉnh hành vi qua những thiết chế PG như các ngôi chùa, các đoàn thể PG và cộng đồng Phật tử. Ngoài ra, PG còn điều chỉnh hành vi PN của PG thông qua vai trò

của những người có uy tín trong cộng đồng PG, đặc biệt là tu sĩ PG ở các chùa. PG còn tác động đến lối sống của PN từ việc ăn chay, bố thí, phóng sinh, cưới hỏi cho đến tang ma. Trong đó, việc ăn chay, bố thí, phóng sinh được xem là những hoạt động cơ bản nhất của tín đồ PG. Những hoạt động này xuất phát từ quan niệm Từ bi của PG.

3.2. Tác động của phụ nữ đối với Phật giáo Việt Nam

3.2.1. Tham gia phát triển tổ chức, hỗ trợ sinh hoạt Phật giáo

PN đã trở thành lực lượng có ý nghĩa quan trọng trong việc bổ sung nguồn nhân lực cho GHPGVN. Theo kết quả thống kê của Viện Nghiên cứu Tôn giáo, từ năm 1997-2002, PG một số tỉnh phía Bắc như Thái Bình, Hưng Yên, Hải Phòng, số nữ giới xuất gia cao hơn nhiều lần so với số nam giới xuất gia.

Bảng 3.9: Số tu sĩ PG ở một số tỉnh phía Bắc chia theo giới

Tỉnh Nhiệm kỳ hoạt động	Thái Bình		Hưng Yên		Hải Phòng	
	Tăng	Ni	Tăng	Ni	Tăng	Ni
1997-2002	29	326	33	200	17	135

(Nguồn: Viện nghiên cứu Tôn giáo).

Số ni giới ở Miền Bắc còn chiếm hơn 80% số tự viện và 1/3 số lượng ni giới cả nước. Năm 2014, ni giới PG cả nước có 5.921 tự viện và 14.817 ni, trong đó khu vực Miền Bắc có 4.000 tự viện và 5.020 ni. Nữ tu sĩ PG góp phần trong công tác đào tạo tăng tài, tham gia quản trị GHPGVN. Năm 2014, Phân Ban Ni giới các tỉnh thành phía Bắc đã tổ chức và thăm viếng 11 trường hạ với tổng trị giá tịnh tài và phẩm vật là 160.450.000 đồng. Ở cấp độ hẹp hơn và tần suất thường xuyên hơn, tại các chùa, ni giới và các Phật tử am hiểu Phật pháp còn tích cực giáo dục các Phật tử ngày càng trưởng thành hơn về đạo pháp.

Đồng thời, ni giới ở phía Bắc cũng đóng vai trò cầu nối giữa GHPGVN với các tổ chức, đoàn thể chính trị xã hội.

Bảng 3.10: Các tổ chức có ni giới các tỉnh phía Bắc tham gia

Các tổ chức có sự tham gia của ni giới	Tần số	%
Các ban của GHPGVN tỉnh/ thành phố	10	0,7
Ban Trị sự Phật giáo quận/ huyện	27	19,0
Phân ban Ni giới	33	23,2

Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp	44	31,0
Hội Chữ thập đỏ	74	52,1
Mặt trận Tổ quốc các cấp	61	43,0
Những tổ chức khác	2	1,4

(Nguồn khảo sát của luận án)

PN còn thường xuyên trong tất cả các công việc phục vụ cho sinh hoạt thường ngày của nhà chùa, tu sĩ PG và chương trình hoạt động PG. Kết quả khảo sát bằng bảng hỏi của chúng tôi cho thấy, 100% số người được hỏi trả lời tham gia giúp đỡ công việc nhà chùa, trong đó: 97,0% thường xuyên giúp nhà chùa trong những ngày rằm, mừng một; 32,8% giúp nhà chùa lau tượng Phật, quét dọn khuôn viên chùa; 8,9% tham gia tu bổ chùa cảnh; 3,3% tham gia các hoạt động lao động khác của nhà chùa như cày cấy, thu hoạch ngô lúa, rau củ,...

3.2.2. Tham gia truyền bá Phật giáo

PN ở các tỉnh phía Bắc còn là “cánh tay nối dài” của PG với nhiều công việc để phát triển PG. Theo kết quả khảo sát: có 47,2% trả lời thường chia sẻ giáo lý PG bằng cách khuyên mọi người đọc kinh, sách, báo, nghe băng đĩa; có 62,6% trả lời thường khuyên bạn bè, người thân nghe giảng giáo lý ở chùa; có 10,5% trả lời thường tổ chức thảo luận những chủ đề PG trong gia đình; có 41,4% trả lời khuyên mọi người tham gia các câu lạc bộ, đoàn thể PG.

Bảng 3.11: Hình thức chia sẻ giáo lý PG của PN với người khác

Hình thức chia sẻ giáo lý PG	Tần số	%
Tổ chức thảo luận những chủ đề Phật giáo trong gia đình	45	10,5
Tham gia hoằng pháp cùng các quý thầy	18	4,2
Khuyên bạn bè, người thân nghe giảng pháp ở chùa	268	62,6
Khuyên mọi người đọc kinh, sách, báo, nghe băng đĩa về Phật giáo	202	47,2
Khuyên mọi người tham gia các câu lạc bộ, hội Phật tử	177	41,4
Đi lễ chùa	36	8,4
Khuyên mọi người sống tốt	23	5,4
Rủ đi lễ chùa	38	8,9

(Nguồn khảo sát của luận án)

PN đã quy y PG là lực lượng truyền truyền giáo lý PG có nhiều hiệu quả hơn PN có niềm tin PG chưa quy y.

Bảng 3.13: Hiệu quả tuyên truyền giáo lý PG của PN

Trương quan giữa quy y và chưa quy y tới cảm nhận của người được tuyên truyền về Phật giáo					
			Tình trạng quy y		Tổng
			Đã quy y	Chưa quy y	
Cảm nhận về Phật giáo qua nghe tuyên truyền của phụ nữ	1. Đây là những việc cần thực hiện	Tần số	214	127	341
		%	96.0	61.4	79.3
	2. Những việc này tốt nhưng không phù hợp nên họ chưa thấy cần phải thực hiện	Tần số	9	62	71
		%	4.0	30.0	16.5
	3. Không quan tâm	Tần số	0	18	18
		%	0.0	8.7	4.2
Tổng số		Tần số	223	207	430
		%	100.0	100.0	100.0

(Nguồn khảo sát của luận án)

PN ở phía Bắc đã góp phần vào việc thực hiện có hiệu quả “Chương trình Phật hóa gia đình” do Ban Hướng dẫn Phật tử GHPGVN đưa ra nhằm đặt nền móng lâu dài cho sự phát triển của PG. Sự truyền bá PG của PN tại gia đình đã góp phần đưa những lời dạy của Đức Phật, những nguyên tắc đạo đức của PG đi vào cuộc sống của các cá nhân, xây dựng gia đình hạnh phúc, hòa thuận.

3.2.3. Tham gia dịch vụ công của Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Dù tổ chức nào thực hiện dịch vụ công thì cốt lõi của hoạt động này là nhằm đáp ứng lợi ích thiết yếu của cộng đồng. Ở VN, các tổ chức tôn giáo, trong đó có GHPGVN được Đảng và Nhà nước khuyến khích tham gia vào dịch vụ công qua các hoạt động xã hội.

Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên đây tạo ra hành lang pháp lý để GHPGVN tham gia hoạt động dịch vụ công trong lĩnh vực y tế, giáo dục, từ thiện nhân đạo. Trong đó, GHPGVN đã xây dựng hệ thống tổ chức chuyên trách thực hiện hoạt động này là Ban Từ thiện Xã hội từ cấp trung ương đến cấp tỉnh thành. Để triển khai nhiệm vụ cụ thể, Ban Từ thiện Xã hội còn có các phân ban: Phân ban Đông y, Phân ban Tây y, Phân ban Giáo dục, Phân ban Tài chính, Đối ngoại và Quan hệ Quốc, Phân ban Cứu trợ, Phân ban Xã hội, Phân ban Tổ chức Quản lý, Phân ban Huấn nghệ và Phát triển Cộng đồng.

PN là một trong những giới tham gia tích cực thực hiện các hoạt động từ thiện xã hội của GHPGVN ở phía Bắc hiện nay, dưới nhiều hình

thức khác nhau như: giúp đỡ tiền bạc, vật chất, thăm hỏi, động viên, giúp đỡ việc làm, cuu mang người cơ nhỡ và tham gia các hoạt động từ thiện do nhà chùa tổ chức.

Bảng 3.14: Các cách làm từ thiện của PN

Cách làm từ thiện	Tần số	%
Giúp đỡ tiền, vật chất	288	67,4
Thăm hỏi, động viên	408	95,6
Giúp đỡ việc làm	6	1,4
Chia sẻ quan điểm, cách thức để tháo gỡ khó khăn	73	17,1
Giúp bằng hình thức khác	1	0,2

(Nguồn khảo sát của luận án)

Khảo sát của chúng tôi cho thấy, 99,3% PN thực hiện trực tiếp việc giúp đỡ người khó khăn và 14,6% tham gia các hoạt động từ thiện do nhà chùa tổ chức. Sự đóng góp về nhân lực, vật lực của đội ngũ PN góp phần thực hiện dịch vụ công do GHPGVN phát động đạt được tốt hơn.

Tại các tỉnh phía Bắc, nhiều PN cùng với lãnh đạo các ban của GHPGVN vận động quyên góp, ủng hộ các gia đình chính sách, các em nhỏ tật nguyền, người già neo đơn, đồng bào lũ lụt số tiền hàng tỷ đồng. PN các tỉnh phía Bắc còn là đội ngũ trực tiếp tham gia các hoạt động chăm sóc người già, trẻ em cơ nhỡ, người nhiễm HIV, người bị bệnh phong, tham gia thăm hỏi động viên những người có hoàn cảnh khó khăn.

3.3. Hạn chế trong mối quan hệ giữa Phật giáo và phụ nữ các tỉnh phía Bắc hiện nay

Nhiều PN khi đến chùa vẫn có những sinh hoạt, thực hành chưa đúng với giáo lý của PG như quá chú trọng tới các hoạt động xin số, dâng sao giải hạn và đốt vàng mã. Kết quả khảo sát cho thấy: 44,1% lên chùa để xin số, dâng sao giải hạn; 61,7% thực hiện đốt vàng mã.

Bảng 3.17: Những hành vi của PN khi lên chùa

Hành vi của PN	Tần số	%
Lễ Phật	425	99,8
Đốt vàng mã	263	61,7
Xin số, dâng sao giải hạn	188	44,1
Những việc khác	5	1,2

(Nguồn khảo sát của luận án)

PN khi đi lễ chùa còn chưa hiểu đúng giáo lý của PG. Kết quả khảo sát bằng của luận án cho thấy, có tới 72% nữ tu sĩ PG đánh giá PN lên chùa nhưng hiểu chưa đúng về giáo lý PG.

Một hạn chế nữa là phẩm hạnh của một số vị tu hành PG trong mối quan hệ với Phật tử nói chung và nữ Phật tử nói riêng. Trong nền kinh tế thị trường, giá trị vật chất đang trở thành động lực theo đuổi của không ít người đã có ảnh hưởng lớn đến mối quan hệ này. Ngoài ra, trong mối quan hệ giữa PG và PN hiện nay còn nổi lên vấn đề đáng quan tâm nữa là sự mất đoàn kết. Kết quả phỏng vấn bằng bảng hỏi của chúng tôi đối với một số vị ni cho thấy: 40% số người trả lời mối quan hệ giữa các sư và Phật tử ở chùa của mình còn chưa được hòa đồng; 2,0% số người trả lời mối quan hệ này còn nhiều mâu thuẫn.

Bảng 3.19: Đánh giá về mối quan hệ giữa tu sĩ và nữ Phật tử

Mối quan hệ giữa tu sĩ và nữ Phật tử	Tần số	%
Hòa đồng	87	58
Chưa hòa đồng	60	40
Còn nhiều mâu thuẫn	3	2
Tổng	150	100

(Nguồn khảo sát của luận án)

Tiểu kết Chương 3

PG và PN ở các tỉnh phía Bắc là hai thực thể có mối quan hệ khăng khít, tác động qua lại với nhau. Đối với PN, PG đã trở thành một phương tiện an ủi tinh thần, giải tỏa những căng thẳng trong đời sống tâm lý, giúp cho họ có được sự yên tâm, thoải mái và lấy lại được sự cân bằng trong cuộc sống, nhất là trong những lúc PN gặp khó khăn, khủng hoảng tâm lý.

Hệ thống luân lý, đạo đức PG góp phần định hướng cho các hành vi ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội của PN, góp phần hình thành nhân cách và phẩm chất tốt đẹp của họ như làm việc thiện, hiếu thảo, chung thủy, chăm lo con cái, trách nhiệm với cộng đồng, làm ăn chân chính. Từ đó, PG góp phần hình thành nên lối sống nền nếp của PN.

Trái lại, PN tham gia mạnh mẽ vào sự phát triển của PG từ việc cung cấp đội ngũ đông đảo tín đồ cả tại gia lẫn xuất gia, góp phần mở rộng giúp cộng đồng PG lên gấp đôi, gấp ba lần tới những hoạt động hỗ trợ truyền bá niềm tin và thực hành PG bằng nhiều hình thức khác nhau từ cá nhân, gia đình, người thân đến đồng nghiệp và bạn bè, giúp PG bám rễ và lan truyền sâu rộng trong xã hội. Đáng chú ý, PN đã góp phần duy trì sức sống của PG

ngay tại gia đình. Họ là người truyền giảng lời Phật dạy cho con cái, thúc đẩy việc thực hiện các nguyên tắc đạo đức PG trong gia đình, tụng kinh PG. Không những thế, họ còn là lực lượng đắc lực hỗ trợ các hoạt động dịch vụ công của GHPGVN đạt hiệu quả cao.

Mặc dù vậy, trong mối quan hệ qua lại giữa PG và PN các tỉnh phía Bắc hiện nay vẫn còn có những tồn tại. Một số tu sĩ PG và PN nhiều khi còn quá chú trọng tới những hành vi bói toán, dăng sao giải hạn, đốt vàng mã mà ít nhấn mạnh tới những thực hành PG hướng con người tới chân, thiện, mỹ. Một bộ phận PN, nhất là tầng lớp có điều kiện kinh tế, thường dăng cúng quá mức nhiều loại xa xỉ phẩm cho tu sĩ PG. Bản thân giới tu sĩ PG cũng còn tồn tại một số vị bị sa sút phẩm hạnh, sao nhãng tu học, chạy theo lợi ích vật chất.

Chương 4

XU HƯỚNG ẢNH HƯỞNG QUA LẠI GIỮA PHẬT GIÁO VÀ PHỤ NỮ, VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ KHUYẾN NGHỊ

4.1. Xu hướng ảnh hưởng qua lại giữa Phật giáo và phụ nữ

4.1.1. Vai trò của phụ nữ đối với Phật giáo ngày càng được Giáo hội Phật giáo Việt Nam chú trọng

GHPGVN ngày càng chú trọng tới việc phát huy vai trò của PN trong các hoạt động Phật sự, thể hiện rõ nét nhất ở việc GHPGVN thành lập Phân ban Ni giới Trung ương. Riêng ở các tỉnh phía Bắc VN đến nay đã có nhiều nơi thành lập được Phân ban Ni giới như Hà Nội, Nam Định, Thái Bình, Hà Nam, Bắc Ninh, Hưng Yên, Vĩnh Phúc,.. GHPGVN còn khuyến khích nữ giới PGVN tham gia vào quá trình giao lưu, hội nhập với PG quốc tế và thúc đẩy vai trò của nữ giới PG trên phạm vi toàn cầu, điển hình như việc nữ giới PGVN được khuyến khích tham gia các hoạt động của Hiệp hội Nữ giới PG Quốc tế Sakyadhita. GHPGVN đang không ngừng tăng cường nâng cao nhận thức và khuyến khích phát huy vai trò của nữ Phật tử tại gia thông qua các hoạt động từ thiện, xã hội, tọa đàm, hồng pháp....

4.1.2. Phụ nữ ngày càng đóng góp nhiều hơn cho các hoạt động của Phật giáo Việt Nam

PN là lực lượng đông đảo nhất về thành phần tu sĩ cũng như thành phần tín đồ tại gia, đã, đang và sẽ có nhiều đóng góp tới sự phát triển của PG trên nhiều mặt. PN tiếp tục là lực lượng duy trì và truyền bá PG quan trọng. PN sẽ tiếp tục tham gia tích cực hơn nữa vào hoạt động dịch vụ công của GHPGVN, nhất là các lĩnh vực giáo dục, y tế và an sinh xã hội. Trong đó, lĩnh vực giáo dục, cụ thể là giáo dục mầm non, đang được xem là một trong những lĩnh vực trọng tâm mà PN là lực lượng nòng cốt.

4.2. Một số vấn đề đặt ra trong mối quan hệ giữa Phật giáo và phụ nữ hiện nay

4.2.1. Vấn đề nhận thức về vai trò của phụ nữ của Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Một số địa phương chưa thành lập Phân ban Ni giới như: Hải Dương, Lạng Sơn, Yên Bái, Điện Biên, Hòa Bình, Hải Phòng, Bắc Giang, Sơn La, Cao Bằng, Bắc Kạn. Số nữ tu sĩ PG có vị trí trong các ban ngành của GHPGVN các cấp còn khá khiêm tốn. Tình trạng PN tham gia các công tác từ thiện xã hội của GHPGVN vẫn còn tự phát, thiếu kỹ năng, thiếu chuyên nghiệp, tính hệ thống, thiếu hiểu biết về luật pháp.

4.2.2. Đối với việc nâng cao nhận thức đúng đắn giáo lý Phật giáo của phụ nữ

Khi đến chùa, nhiều PN vẫn còn thực hành nghi lễ chưa đúng với giáo lý của PG. Hạn chế trong nhận thức giáo lý PG của PN phía Bắc hiện nay, xuất phát một phần từ công tác hoằng pháp, công tác hướng dẫn Phật tử của GHPPGVN còn chưa hiệu quả. Tài liệu giảng dạy, thuyết giảng chính thức chưa được hoàn thành. GHPGVN chưa thực sự chú trọng tới công tác Việt hóa kinh sách PG. Phật tử nói chung và PN theo PG nói riêng khi nghe giảng giáo lý tại các chùa còn mang tính thụ động.

4.3. Một số khuyến nghị

4.3.1. Phát huy vai trò của phụ nữ đối với Phật giáo

GHPGVN cần quan tâm hơn tới tổ chức Ni giới và các đạo tràng nữ Phật tử, thiết lập nhiều kênh thông tin đến đông đảo nữ Phật tử, khuyến khích những tài năng trẻ, đôn đốc tu học đến nơi đến chốn, phân bổ công tác Phật sự đúng vị trí và đức hạnh của ni giới.

Củng cố và hoàn thiện nhân sự của Phân ban Ni giới, bổ nhiệm và lựa chọn nhân sự của Phân ban Ni giới thiết thực hơn, đầy mạnh hơn nữa vai trò của Ni giới trong tham gia quản trị GH và củng cố các tổ chức nữ Phật tử. Chú trọng hơn nữa công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ ni giới và nữ Phật tử thuần thành để thực hiện các hoạt động của GH., tăng cường giao lưu, học hỏi nhiều hơn kinh nghiệm phát huy vai trò của PN đối với PG v.v...

4.3.2. Khắc phục hạn chế trong mối quan hệ giữa Phật giáo và phụ nữ

Tu sĩ PG và nữ Phật tử cần luôn luôn tuân thủ đúng các nguyên tắc ứng xử và hành đạo trong PG. Tu sĩ PG, Phật tử và những PN tin theo PG phải không ngừng trau dồi kiến thức Phật học, hạn chế thực hiện các thói quen và tục lệ không đúng với tinh thần PG.

GHPGVN cần khuyến khích và tạo điều kiện cho các tu sĩ PG về các vùng sâu vùng xa, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các tầng lớp PN ở đây. GH cần tăng cường đào tạo trình độ Phật học cho đội ngũ PN có niềm tin

PG tại chỗ để họ có thể đảm đương nhiều hoạt động của PG. GHPGVN cũng cần đẩy mạnh hơn nữa quá trình Việt hóa hệ thống kinh sách PG, với các phần việc cụ thể như khuyến khích, hỗ trợ dịch thuật, xuất bản những công trình nghiên cứu PG, biên soạn các bài tụng niệm hằng ngày bằng tiếng Việt/ quốc ngữ hoặc ngôn ngữ của một số dân tộc thiểu số ở nước ta.

Tiểu kết Chương 4

Trong thời gian tới PG và PN vẫn tiếp tục có những ảnh hưởng qua lại theo chiều hướng GHPGVN sẽ ngày càng nhấn mạnh đến vai trò của đội ngũ PN tại gia và xuất gia. Trong khi đó, PN vẫn sẽ góp phần quan trọng mang đến sự thành công của GHPGVN trên nhiều hoạt động.

Tuy nhiên, quá trình tương tác giữa PG và PN cũng đặt ra không ít vấn đề cần quan tâm giải quyết. Trong đó, đáng lưu ý là vấn đề hạn chế bớt các hành vi vốn không phải của PG như dâng sao giải hạn, đốt vàng mã. Đồng thời phải tăng cường khối đại đoàn kết giữa tu sĩ và Phật tử, khắc phục sự tha hóa đạo đức của một số vị tu sĩ. Ngoài ra, GHPGVN cũng phải lưu ý hơn nữa tới nhu cầu tâm linh, sinh hoạt PG của PN ở vùng sâu vùng xa, vùng còn có điều kiện kinh tế khó khăn.

Để giải quyết các tồn tại hạn chế, GHPGVN cần không ngừng đẩy mạnh công tác hoằng pháp, hướng dẫn Phật tử, xây dựng các tổ chức tập hợp được đông đảo PN có niềm tin PG và định hướng cho các nữ Phật tử cách hiểu, cách thực hành PG cho đúng với chính pháp. Các kinh sách được truyền tải cũng cần được Việt hóa và diễn giải dễ hiểu. Để làm gương và dẫn dắt Phật tử, các tu sĩ PG cần nêu cao tinh thần tu học, tuân thủ nghiêm ngặt giới luật.

Bên cạnh đó, để phát triển và tạo dựng hình ảnh của GHPGVN trong xã hội hiện nay thì nhu cầu đổi mới và tăng cường công tác dịch vụ công, tham gia các hoạt động từ thiện xã hội của PG với sự hỗ trợ, góp sức từ lực lượng đông đảo các tầng lớp PN cũng cần phải được chú ý hơn.

KẾT LUẬN

1. PG từ thời buổi đầu ra đời đã dần xác lập được hệ thống quan điểm nhân sinh trong đó có nhiều điểm chú ý tới PN. Nhiều bộ kinh PG có những nhận thức thể hiện sự quan tâm của PG đối với PN, khẳng định PN bình đẳng với nam giới trên nhiều phương diện từ đời sống tôn giáo đến đời sống xã hội; xem PN là hai trong số bốn trụ cột quan trọng của cộng đồng PG (nam tu sĩ (Tỳ khiêu), nữ tu sĩ (Tỳ khiêu ni), nam cư sĩ (Ưu bà tắc) và nữ cư sĩ (Ưu bà di); thừa nhận khả năng giác ngộ chân lý PG của PN. Thừa nhận PN là một thành phần, đối tượng hướng tới của PG đã trở thành luận đề quan trọng về mặt quan điểm, để Phật giáo có thể quy tụ và ảnh hưởng

nhiều hơn đến PN khi truyền bá ra các vùng văn hóa khác nhau không chỉ ở Châu Á, mà còn rộng khắp trên thế giới. Đồng thời việc khẳng định về mặt nguyên tắc PN hay nam giới tu theo chân lý Phật Đà, đều có thể đạt tới được sự giải thoát, trong kinh điển PG đã trở thành một nền tảng quan trọng để PN tham gia vào đội ngũ tu hành của cộng đồng PG ở nhiều khu vực.

2. Ngay từ đầu khi du nhập vào VN, PG và PN ở các tỉnh phía Bắc là hai thực thể có mối quan hệ khăng khít, tác động hai chiều với nhau. PGVN do tính kế lý, kế cơ đã nhanh chóng hòa nhập với nền văn hóa, xã hội VN, đã trở thành một tôn giáo có vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần của PN. Nhờ hỗn dung với tín ngưỡng, tôn giáo và văn hóa bản địa, PG sớm trở thành một tôn giáo gần gũi với nhiều tầng lớp trong xã hội, nhất là những PN. Đối với PN, PG đã an ủi tinh thần, giải tỏa căng thẳng tâm lý, giúp cho họ có được sự yên tâm, thoải mái và cân bằng trong cuộc sống. Việc thực hiện chức năng tôn giáo của Phật giáo càng thể hiện rõ trong những lúc PN gặp khó khăn, khủng hoảng hay những tình huống bất trắc, không lường trước được. Như thế, PG đã và đang là chỗ dựa tinh thần quan trọng của một bộ phận PN ở phía Bắc hiện nay. Điểm đặc biệt là sự ảnh hưởng của PG đối với nhu cầu tôn giáo của PN ở khu vực phía Bắc VN, vẫn luôn được duy trì trong suốt chiều dài thời gian từ lịch sử cho tới hiện tại. PN vẫn là “khách hàng” lớn nhất của PG. Sự liên tục đó được duy trì một phần do PG đã thâm sâu vào trong tiềm thức, trong văn hóa của người Việt, vốn xem chùa PG là nơi sinh hoạt, nơi gắn bó với người PN: “Đàn ông vui đám vui đình/Đàn bà vui kệ, vui kinh cửa chùa”.

3. PG có hệ thống luân lý, đạo đức góp phần điều chỉnh, định hướng cho ứng xử của những nữ Phật tử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội, góp phần hình thành nhân cách và phẩm chất tốt đẹp của họ như làm việc thiện, hiếu thảo, chung thủy, chăm lo con cái, trách nhiệm với cộng đồng, làm ăn chân chính. Từ đó, PG đã hình thành nên lối sống nền nếp của PN, góp phần vào việc xây dựng một xã hội hướng thiện hơn. Đến lượt mình, PN có những hoạt động tham gia mạnh mẽ vào sự phát triển của PG từ việc cung cấp đội ngũ đông đảo tín đồ cả tại gia lẫn xuất gia, đến những hoạt động hỗ trợ truyền bá niềm tin và thực hành nghi lễ PG bằng nhiều hình thức và cấp độ khác nhau từ cá nhân, người thân trong gia đình đến đồng nghiệp và bạn bè ngoài xã hội. Trong đó đáng chú ý là ở môi trường gia đình, PN mang tâm thức PG đã trở thành những người truyền dạy trực tiếp những lời Phật dạy cho con cháu, làm gương cho con cháu trong việc thực hiện những lời răn dạy của Phật Tổ và hướng dẫn việc thực hành nghi lễ PG tại gia cũng như ở chùa. Không những thế, PN còn hỗ trợ đắc lực các hoạt động dịch vụ công của GHPGVN đạt nhiều thành quả cao hơn. Họ đã và đang có ưu thế trong

việc giúp GHPGVN thực hiện hiệu quả một số công tác xã hội, nhất là trong lĩnh vực giáo dục và lĩnh vực y tế, từ thiện xã hội

4. Trong thời gian tới, PG và PN vẫn tiếp tục có những ảnh hưởng qua lại theo chiều hướng GHPGVN sẽ ngày càng nhấn mạnh đến vai trò của PN. Trong khi đó, đội ngũ PN có niềm tin PG, nhất là các nữ Phật tử vẫn sẽ góp phần quan trọng cho sự thành công của GHPGVN trên nhiều hoạt động, đặc biệt là các dịch vụ công như giáo dục mầm non và an sinh xã hội. Quá trình tác động tương hỗ giữa PG và PN sẽ còn tiếp diễn lâu dài, bởi cả hai đều đã và đang nhận thấy sự cần có nhau, đem lại những lợi ích tốt đẹp cho nhau để cùng tồn tại và phát triển.

5. Tuy nhiên, quá trình tương tác giữa PG và PN cũng đặt ra không ít vấn đề cần quan tâm nghiên cứu và giải quyết. Trong đó, đáng lưu ý là vấn đề làm sao để giảm thiểu các hành vi không đúng chính pháp có thể gây phương hại đến hình ảnh của PG cũng như mục đích tối hậu mà PG muốn hướng tới cho những ai tin theo là sự giác ngộ theo chân lý của Đức Phật. Đồng thời phải tăng cường khối đại đoàn kết giữa tu sĩ và Phật tử, khắc phục sự tha hóa đạo đức của một số tu sĩ, nhất là xu hướng có một số tu sĩ chạy theo nhu cầu vật chất tầm thường, sa vào các thói hư, tật xấu mà một phần cũng do sự tiếp xúc và đáp ứng không đúng mực từ phía các Phật tử.

Đối với tổ chức Ni giới, GHPGVN cần đẩy mạnh hơn nữa quá trình củng cố nhân sự, thành lập Phân ban Ni giới ở những nơi chưa có như hiện nay. Đi kèm với đó là việc tuyên truyền giáo lý PG về bình đẳng giới, tinh thần lục hòa và tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng tu sĩ PG để cùng xây dựng và phát triển giáo hội. Nội dung hoạt động và vị trí của tổ chức ni giới cần được nhìn nhận và đề cao hơn nữa, nhất là trong thực tế ni giới đã và đang là đội ngũ tu hành đông đảo của PG ở nước ta hiện nay. Tuyên dương, khuyến khích và bổ nhiệm nhân sự ni giới có tài có đức tham gia vào thể chế của giáo hội cũng đem lại sự động viên, tạo điều kiện cho ni giới có những đóng góp nhiều hơn nữa cho giáo hội trong công tác hoằng dương Phật pháp, lợi lạc cho quần sinh.

Ngoài ra, GHPGVN cũng cần lưu ý hơn nữa tới nhu cầu tôn giáo của bộ phận nữ Phật tử ở vùng sâu vùng xa, vùng còn có điều kiện kinh tế khó khăn. Đây là một trong những bài toán khó đối với GHPGVN hiện nay, bởi xu thế nhiều tu sĩ PG chỉ muốn sinh sống và tu tập ở những vùng có điều kiện kinh tế tốt. Nhu cầu tôn giáo của nhân dân ở những vùng kinh tế khó khăn chưa được đáp ứng thích đáng là nguyên nhân làm mất đi cơ hội để PG có thể tranh thủ được số lượng lớn người tin theo.